

Bản án số: 08/2018/HNGĐ-PT

Ngày: 12/4/2018

V/v tranh chấp chia tài sản khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa: Ông Nguyễn Viết Hùng

Các thẩm phán:

Ông Nguyễn Văn Nhân

Ông Nguyễn Đình Loan

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thanh Loan – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước: Bà Đàm Thị Vang – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 12 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 22/2017/TLPT- HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp “Chia tài sản khi ly hôn”.

Do Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 27/2017/HNGĐ-ST ngày 21/9/2016 của Tòa án nhân dân huyện LN, tỉnh Bình Phước bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2017/QĐPT-DS ngày 20 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1969, vắng mặt

Địa chỉ: Tổ 2, ấp V, xã Lộc Ph, huyện LN, tỉnh Bình Phước.

2. Bị đơn: Ông Đặng Vũ L, sinh năm 1967, vắng mặt

Địa chỉ: Tổ 2, ấp V, xã Lộc Ph, huyện LN, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Đặng Vũ L: Ông Phạm Văn H, sinh năm 1967 (Văn bản ủy quyền ngày 27/12/2017), có mặt

Địa chỉ: Số 88/6 đường 7/4, khu phố Ninh Ph, thị trấn LN, huyện LN, tỉnh Bình Phước

3. Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Xuân Th, sinh năm 1951, có mặt

Địa chỉ: Khu phố HL2, phường Th G, thị xã Th A, tỉnh Bình Dương.

- Ông Nguyễn Tiến D, sinh năm 1954, vắng mặt

Địa chỉ: Ấp Thắng L, xã Lộc Ph, huyện LN, tỉnh Bình Phước.

- Ông Phạm Thanh H, sinh năm 1955

- Bà Đặng Thị Hiền, sinh năm 1964, có mặt

Cùng địa chỉ: Số 238A/3, đường Bạch Đ, phường 24, quận Bình T, TP Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Thanh H: Bà Đặng Thị Hiền (Văn bản uỷ quyền ngày 24/5/2010).

- Ông Đặng Vũ L, sinh năm 1975, có mặt

Địa chỉ: Xóm 7, xã Giao H, huyện Giao Th, tỉnh Nam Định.

- Bà Lê Thị Ph, sinh năm 1976, có mặt

Địa chỉ: Số 412, lô B, chung cư SVH, phường 9, quận 5, TP Hồ Chí Minh.

Cháu Đặng Văn L, sinh năm 1990, vắng mặt

Địa chỉ: Tổ 2, ấp V, xã Lộc Ph, huyện LN, tỉnh Bình Phước.

Cháu Đặng Vũ Q, sinh năm 1996 vắng mặt

Địa chỉ: Tổ 2, ấp V, xã Lộc Ph, huyện LN, tỉnh Bình Phước.

4. Người kháng cáo: Bị đơn ông Đặng Vũ L, người có quyền L nghĩa vụ liên quan ông Khu phố Ninh Ph, thị trấn LN, huyện LN, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 11 tháng 4 năm 2010 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà H và ông L tự nguyện kết hôn vào năm 1989 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Giao Hương, huyện Giao Th, tỉnh Nam Định. Trước khi kết hôn có tìm hiểu nhau trong thời gian khoảng 07 tháng. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung với cha mẹ chồng khoảng 01 năm thì ra sống tự lập.

Vợ chồng sống hoà thuận từ năm 1989 đến ngày 11/9/2009 thì phát sinh mâu thuẫn do khi bà H đi chữa bệnh thì ông L cho rằng bà đi theo trai nên la mắng, đánh đập và xua đuổi bà H, vì vậy bà H đã đi đến nhà chị gái sống từ tháng 9 năm 2009 cho đến nay. Nay nhận thấy vợ chồng không trở lại sống chung được nữa nên bà H xin được ly hôn với ông L.

Về con chung: Bà H và ông L có 02 con chung tên Đặng Văn L sinh năm 1990 và Đặng Vũ Q, sinh ngày 07/4/1996. Ngoài ra vợ chồng không nhận ai làm con nuôi và hiện tại bà H không có thai. Khi ly hôn do các con đều đã trưởng thành nên bà H không yêu cầu Toà án giải quyết việc nuôi dưỡng.

Về tài sản: Trước khi kết hôn không bên nào có tài sản, tài sản chung của vợ chồng hiện nay gồm có 02 thửa đất, trong đó 01 thửa đất diện tích 7.023m² tại ấp Vẻ Vang, xã Lộc Phú, huyện LN, đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Đặng Vũ L. Trên đất có trồng một số cây trồng như cà phê, điều, có 01 ngôi nhà cấp 4 diện tích 90m², trong nhà có 01 số vật dụng gồm 01 máy làm miến, 02 máy ép bột, 01 TV, 01 bộ salong gỗ, 01 tủ búp phê và 01 thửa đất diện tích 312,4m² tại phường TB, thị xã A, tỉnh Bình Dương, đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Đặng Vũ L. Trên đất không có tài sản gì. Khi bà H đi khỏi nhà (vào tháng 9 năm 2009), ở nhà ông L đã bán 01 con heo nái được số tiền 5.000.000đ, 05 con heo thịt được số tiền 15.000.000đ và bán 268 nọc tiêu được số tiền 11.794.000đ (trong đó bán 108 nọc tiêu được số tiền là 4.644.000đ, bán 110 nọc tiêu được số tiền 4.400.000đ và bán 50 nọc tiêu được số tiền là 2.750.000đ) ông L quản lý toàn bộ số tiền.

Ngoài ra ông L có bán 400 kg tiêu khô, quản lý toàn bộ số tiền, giá bán bao nhiêu bà H không biết.

Về nợ: Vợ chồng có thiếu số nợ như sau:

- Nợ Ngân hàng chính sách - xã hội huyện LN số tiền 12.000.000đ.
- Nợ ông Nguyễn Tiến D, trú tại ấp Vẻ Vang, xã Lộc Phú số tiền phường (Hội) là: 21.000.000đ
- Nợ Hội cựu chiến binh ấp Vẻ Vang, xã Lộc Phú số tiền là 3.000.000đ.

Bên ngoài không ai nợ lại vợ chồng.

Khi ly hôn bà H có yêu cầu như sau:

Về tài sản: Bà H yêu cầu chia tài sản theo qui định của pháp luật, nguyện vọng của bà H xin được chia ½ thửa đất diện tích 7.023m², xin nhận phần đất có ngôi nhà xây cùng các vật dụng trong nhà và ½ thửa đất có diện tích 312,4m² tại phường TB, thị xã A, tỉnh Bình Dương.

- Đối với số nọc tiêu ông L đã bán tổng cộng là 268 nọc với số tiền là 11.794.000đ, ông L quản lý toàn bộ số tiền, nay bà H yêu cầu được chia ½ số tiền.

Về nợ:

- Bà H công nhận ông L có trả cho Hội cựu chiến binh ấp Vẻ Vang, xã Lộc Phú, số nợ gốc và lãi tổng cộng số tiền 4.612.000đ, nay bà H đồng ý hoàn lại cho ông L ½ số tiền bằng 2.306.000đ.

- Đối với số nợ Ngân hàng chính sách - xã hội huyện LN thì bà H thừa nhận ông L trả số tiền 8.000.000đ và tiền lãi, còn 4.000.000đ do ông L sử dụng riêng nên bà không chịu trách nhiệm trả số tiền này.

- Đối với số nợ của ông Nguyễn Tiến D là: 21.000.000đ, hiện nay chưa trả cho ông Dũng nên bà H đồng ý trả $\frac{1}{2}$ số nợ trên là 10.500.000đ .

- Bà H thừa nhận sau khi bà đến nhà chị gái ở thì ông L có trả cho ông Dũng số tiền 3.500.000đ tiền phường nay bà đồng ý trả lại cho ông L số tiền 1.750.000đ .

- Đối với số nợ tiền gạo của bà Cải thì bà H không công nhận còn nợ bà Cải vì gia đình đã trả xong trước khi bà H bỏ đi khỏi nhà.

Ngoài ra bà H cho rằng vào khoảng tháng 7 năm 2009 bà có trả cho Ngân hàng nông nghiệp - PTNT Lộc Hiệp số nợ gốc 30.000.000đ và tiền lãi, bà trả vào buổi sáng, đến buổi chiều thì ông L đến Ngân hàng lấy sổ đất, bà H trả bằng tiền chung của gia đình nên bà không đồng ý hoàn lại tiền theo yêu cầu của ông L.

Bà H không công nhận có nợ ông Khu phố Ninh Ph, thị trấn LN, huyện LN, tỉnh Bình Phước số tiền 35.000.000đ và số nợ của vợ chồng ông Phạm Thanh H và bà Đặng Thị Hiền số tiền 15.000.000đ nên bà không chịu trách nhiệm trả số nợ này.

Tại phiên toà sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H không yêu cầu Toà án giải quyết số hạt tiêu khô mà ông L đã bán, không yêu cầu giải quyết 01 con heo nái, 05 con heo thịt mà ông L đã bán và không yêu cầu giải quyết 02 chiếc xe máy mà ông L đang quản lý.

Tại phiên toà bà H không yêu cầu định giá lại, trước đây bà có yêu cầu được chia phần đất có căn nhà để ở, nhưng hiện nay ông L đã chặt toàn bộ cả phê đi trồng tiêu, nên đề nghị Hội đồng xét xử chia cho bà phần nào cũng được nhưng yêu cầu ông L phải tính giá trị số cây cà phê mà ông L đã chặt.

Bị đơn ông Đặng Vũ L trình bày:

Ông L và bà H tự nguyện kết hôn vào năm 1989 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Giao Hương, huyện Giao Th, tỉnh Nam Định. Trước khi kết hôn có tìm hiểu nhau trong thời gian khoảng 06 tháng. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung với cha mẹ của ông L khoảng 01 năm thì ra sống tự lập.

Vợ chồng sống hoà thuận từ năm 1989 đến khoảng tháng 7/2009 thì phát sinh mâu thuẫn do ông L đi bán bún khô bị mắc mưa về nhà trễ, bà H không cho ông ăn cơm còn lớn tiếng chửi mắng dẫn đến vợ chồng cãi nhau và ông L có tát bà H một cái, vì vậy bà H đã đi đến nhà chị gái sống từ tháng 7 năm 2009 cho đến nay.

Hiện nay bà H làm đơn xin ly hôn thì ông không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà H vì ông còn thương vợ con.

Về con chung: Ông L và bà H có 02 con chung tên Đặng Văn L sinh năm 1990 và Đặng Vũ Q, sinh ngày 07/4/1996.

Ngoài ra vợ chồng không nhận ai làm con nuôi và hiện tại bà H không có thai.

Nếu Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn do các con đều đã trưởng thành nên ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con.

Về tài sản: Tài sản chung của vợ chồng gồm có: 01 thửa đất diện tích 7.023 m² tại ấp Vẻ Vang, xã Lộc Phú, huyện LN, đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Đặng Vũ L, thửa đất mua chung với cha ông L là ông Đặng Vũ Minh (nay ông Minh đã chết), trước khi chết ông Minh có nói với ông L là sau này chia cho người em là Đặng Vũ Luyện ở xóm 7, xã Giao Hương, huyện Giao Th, tỉnh Nam Định ½ thửa đất. Trên đất có 01 ngôi nhà cấp 4 diện tích 90 m² trong nhà có 01 số vật dụng gồm: 01 ti vi, 01 tủ đựng ti vi, 01 xe cub 86 không có giấy đăng ký và 01 số cây trồng.

Ngoài ra tại phường TB, thị xã A, tỉnh Bình Dương có 01 thửa đất diện tích 312,4m², đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Đặng Vũ L, thửa đất này ông L mua chung với ông Khu phố Ninh Ph, thị trấn LN, huyện LN, tỉnh Bình Phước với mỗi người ½ diện tích đất. Vào năm 2007 ông L có cho vợ chồng em trai là Đặng Vũ L và Lê Thị Ph 01 phần đất có diện tích khoảng 70m² và ông L, bà Ph đã xây 01 ngôi nhà cấp 4 trên phần đất đó, khi cho không làm giấy tờ gì.

Ông L công nhận trong thời gian bà H bỏ đi ông có bán 100kg tiêu được số tiền là 3.400.000đ và bán 05 con heo giá 8.960.000đ, vào tháng 2 năm 2010 bán cho ông Đinh 108 nọc tiêu với giá 43.000 đ/nọc được số tiền 4.644.000đ, bán cho ông Dũng 110 nọc tiêu giá 40.000đ/nọc được số tiền 4.400.000đ, bán cho ông Giảng 50 nọc, giá 55.000đ nọc được số tiền 2.750.000đ, toàn bộ tiền bán số tài sản trên ông L đã sử dụng để trồng cà phê, đóng tiền phường, đóng tiền ăn học cho cháu Lượng và chi ăn uống cho hai cha con đến nay không còn số tiền trên.

Đối với thửa đất diện tích 7.023m² tại xã Lộc Phú do anh Đặng Vũ Luyện không có yêu cầu lấy lại ½ diện tích, nên nay ông L đồng ý chia cho bà H ½ thửa đất.

- Đối với số tài sản có trên đất gồm 01 ngôi nhà xây thì ông L cho rằng ngôi nhà do anh Nguyễn Thanh Hồng và chị Đặng Thị Hiền cho 25.000.000đ để xây căn nhà, nên hiện nay ông yêu cầu được chia phần đất có căn nhà để ở, ngoài ra vào năm 2010 ông L có xây một chuồng heo. Đây là tài sản riêng của ông L nên ông L không đồng ý chia cho bà H.

- Đối với số cây trồng có trên thửa đất gồm: Cây tiêu, điều và cà phê trồng chung với bà H thì khi bà H đi ra khỏi nhà từ tháng 7 năm 2009, do ông L đầu tư chăm sóc nên ông L yêu cầu trừ ra cho ông 70% giá trị cây trồng, do ông bỏ ra chi phí chăm sóc, còn lại 30% giá trị thì chia cho ông và bà H.

- Đối với số cây trồng gồm một số cây cà phê và cây ăn trái, do ông L trồng sau khi bà H bỏ đi thì ông L yêu cầu được hưởng toàn bộ, không đồng ý chia cho bà H.

- Đối với thửa đất diện tích 312,4 m² tại thị xã Dĩ An, ông L cho rằng đây là tài sản của ông và ông Thủy góp tiền mua chung, nay ông chỉ đồng ý tách ra cho ông Thủy

156,2 m², còn lại 156,2 m² là của ông L và ông đã cho em của ông là ông Đặng Vũ L khoảng 70 m² để xây nhà, đây không phải tài sản chung của vợ chồng nên không đồng ý chia cho bà H, vì thửa đất ông mua bằng tiền của ông và tiền vay của ông Thuỷ là 35.000.000đ và vay của bà Hiền 15.000.000đ, nếu bà H muốn được chia ½ diện tích thì phải phụ ông trả nợ cho ông Thuỷ và bà Hiền vì hiện nay số nợ này chưa trả.

- Đối với số nợ tiêu đã bán ông L thừa nhận đã bán nợ tiêu được 11.794.000đ là nợ tiêu của gia đình, sau khi trừ 1.000.000đ chi phí công nhỏ nợ và vận chuyển còn lại thì đồng ý chia cho bà H ½ số tiền trên.

- Đối với số hạt tiêu khô ông L không công nhận có bán 400kg, mà ông chỉ bán 100kg tiêu khô do ông thu hoạch ngoài vườn được 3.400.000đ sau khi trừ chi phí chăm sóc và thu hoạch không còn dư nên không thể chia cho bà H.

Về nợ: Hiện nay vợ chồng có nợ các khoản như sau:

- Nợ Ngân hàng chính sách - xã hội huyện LN số tiền 12.000.000đ và vào ngày 04/3/2014 ông L đã trả tiền gốc 12.000.000đ và tiền lãi 4.024.867đ

- Nợ ông Nguyễn Tiến D, trú tại ấp Vê Vang, xã Lộc Phú số tiền phường là : 21.000.000đ và vào khoảng tháng 01/2010, ông L có trả cho ông Nguyễn Tiến D 01 suất tiền phường là 3.500.000đ.

- Nợ ông Khu phố Ninh Ph, thị trấn LN, huyện LN, tỉnh Bình Phước số tiền 35.000.000đ do mượn tiền để lấy sổ đất.

- Nợ vợ chồng ông Phạm Thanh H và bà Đặng Thị Hiền số tiền 15.000.000đ do mượn để trả tiền mua đất của bà Giờ.

Vào tháng 5/2011, ông đã trả cho Hội cựu chiến binh ấp Vê Vang, xã Lộc Phú nợ gốc là 3.000.000đ và tiền lãi 1.612.000đ với tổng số tiền là 4.612.000đ, nếu ly hôn bà H phải trả cho ông ½ số tiền trên .

Ngoài ra ông L cho rằng vào ngày 14/7/2009, ông đã trả nợ cho Ngân hàng nông nghiệp - PTNT Lộc Hiệp số tiền gốc và lãi là: 33.227.900đ để lấy sổ đất, không phải do bà H trả, nay ông L yêu cầu bà H hoàn lại cho ông ½ số tiền trên.

Nếu Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn thì khi ly hôn ông L có yêu cầu chia tài sản, thửa đất tại ấp Thắng L, xã Lộc Phú, huyện LN thì ông nhận phần có căn nhà, còn đất ở thị xã Dĩ An thì chia đôi.

Đối với số nợ mà ông đã trả thì bà H phải trả cho ông ½ số tiền và tính lãi suất, vì số tiền này ông phải vay mượn để trả nợ.

Tại phiên tòa ông L thống nhất không yêu cầu giải quyết số hạt tiêu khô, 01 con heo nái, 05 con heo thịt, 02 chiếc xe honda như bà H trình bày, còn số nợ bà Cải và ông Thuỷ không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên ông cũng thống nhất.

Tại phiên toà ông L thống nhất với ý kiến của bà H không định giá lại và đồng ý tính giá trị cây cà phê mà ông đã chặt, còn đối với phần đất có căn nhà thì ông xin nhận vì ông đã chặt cà phê và trồng cây tiêu trên phần đất này.

Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là ông Khu phố Ninh Ph, thị trấn LN, huyện LN, tỉnh Bình Phước cử trình bày:

Vào tháng 8 năm 2006 ông Th và ông L có góp tiền mua chung 01 thửa đất tại phường Tân Bình, thị xã Dĩ An có diện tích 312,4m² với số tiền 240.000.000đ, mỗi bên mua ½ diện tích là 156,2m² với số tiền 120.000.000đ, ông Th công nhận khi giao dịch mua đất với bà Văn Thị Giờ thì ông có mâu thuẫn về giá cả với ông Huỳnh Văn Đức (là con của bà Giờ) nên sau đó không trực tiếp giao dịch mà làm giấy ủy quyền giao cho ông L giao dịch mua đất.

Về việc giao tiền thì ông L và ông Th giao tiền cho ông Đức 02 lần tổng cộng là 100.000.000đ cụ thể vào tháng 8 năm 2006 giao 70.000.000đ và đầu năm 2007 giao thêm 30.000.000đ, sau khi xảy ra mâu thuẫn thì ông Th đòi ông Đức trả lại cho ông 100.000.000đ nhưng ông Đức không trả, sau này ông Th có đưa cho ông L 20.000.000đ, tổng số tiền ông Th bỏ ra trả tiền mua đất là 120.000.000đ. Do diện tích đất ít không đủ điều kiện để làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định nên vào ngày 20/02/2007 ông Th có lập giấy ủy quyền cho ông L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hiện nay ông Th đang quản lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên.

Nay ông Th yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông L có trách nhiệm làm thủ tục tách chuyển quyền sử dụng đất đối với diện tích 156,2m² cho ông Th, chi phí làm thủ tục tách quyền sử dụng đất do ông Th và ông L thỏa thuận.

Đối với số tiền 35.000.000đ mà ông Khu phố Ninh Ph, thị trấn LN, huyện LN, tỉnh Bình Phước cử cho ông Đặng Vũ L mượn vào tháng 01/2010 để lấy sổ đỏ về hiện nay ông không yêu cầu Tòa án giải quyết để sau này ông giải quyết sau với ông L.

Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là bà Lê Thị Ph trình bày:

Vào tháng 7 năm 2007 vợ chồng ông L bà H có cho vợ chồng bà Ph và ông L 01 phần đất tại phường TB, thị xã A, tỉnh Bình Dương có diện tích: 60m², đến cuối năm 2007, bà Ph, ông L đã xây 01 ngôi nhà cấp 4 trên thửa đất đó, nếu bà H và ông L đòi lại đất thì phải trả lại cho bà Ph, ông L số vàng là 12 cây, nhưng sau này bà Ph, ông L không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là ông Nguyễn Tiến D trình bày:

Vào khoảng tháng 4 năm 2006 gia đình ông Dũng có tổ chức vào Hội giúp nhau phát triển kinh tế gồm 11 người, mỗi người phải đóng 5.000.000đ một suất, nếu người nào lấy rồi thì hàng năm phải trả cho người lấy kế tiếp số tiền 7.000.000đ. Trong đó riêng ông L và ông Phạm Văn Dũng 02 người nhận một suất, ông L và ông

Dững còn nợ lại 06 suất x 7.000.000đ = 42.000.000đ chia cho 02 người thì mỗi người bằng 21.000.000đ, hiện nay gia đình ông L còn nợ lại Hội là 21.000.000đ.

Nay ông Dững yêu cầu gia đình ông L, bà H trả hết số nợ trên cho ông để ông trả lại cho các hội viên, ông không tính tiền lãi.

Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là bà Đặng Thị Hiền trình bày:

Vào tháng 01 năm 2010 ông L có xuống nhà vợ chồng bà Đặng Thị Hiền và ông Phạm Thanh H mượn vợ chồng bà số tiền 15.000.000đ để trả tiền đất cho bà Giờ, có hứa đến tháng 02 năm 2010 sẽ trả, nhưng đến nay vẫn chưa trả.

Nay bà Hiền yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông L, bà H trả cho bà số tiền 15.000.000đ.

Theo bản tự khai của cháu Đặng Văn L cháu là con của ông Đặng Vũ L và bà Nguyễn Thị H hiện nay bố, mẹ ly hôn cháu không có yêu cầu gì về phân chia tài sản.

Theo bản tự khai và tại phiên toà cháu Đặng Vũ Q trình bày cháu là con của ông Đặng Vũ L và bà Nguyễn Thị H hiện nay bố mẹ ly hôn cháu không yêu cầu gì về việc phân chia tài sản.

Tại bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 27/2017/HNGĐ-ST ngày 22/6/2017 của Toà án nhân dân huyện LN đã tuyên xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Thị H.

Về quan hệ hôn nhân: Quyết định cho bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Đặng Vũ L.

Về con chung: Các con đều đã trưởng thành các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét .

Về tài sản chung:

Bà Nguyễn Thị H được chia tài sản gồm:

- 01 thửa đất số 559, đất tọa lạc tại ấp Vẻ Vang, xã Lộc Phú, huyện LN, tỉnh Bình Phước diện tích 3046m² (trong đó có 200 m² đất thổ cư), trên đất có trồng 18 nọc tiêu, 8 cây điều, 5 cây bơ (có sơ đồ kèm theo).

- Thửa đất diện tích: 153,55 m² (Trong đó có 50 m² đất thổ cư) đo thực tế đất tọa lạc tại phường TB, thị xã A, tỉnh Bình Dương:

Thửa đất có tứ cận như sau:

Phía đông giáp đất của ông Đoàn Văn Th

Phía tây giáp đất của ông Mai Văn H

Phía nam giáp đường bê tông nội bộ

Phía bắc giáp đường đất

(Theo bản trích đo địa chính ngày 27/6/2014 của Phòng Tài nguyên – Môi trường thị xã Dĩ An) (có sơ đồ kèm theo) .

Ông Đặng Vũ L được chia tài sản gồm:

- 01 thửa đất số 560, tọa lạc tại ấp Vẻ Vang, xã Lộc Phú, huyện LN, tỉnh Bình Phước diện tích $3977m^2$ (trong đó có $200 m^2$ đất thổ cư), trên đất có 01 căn nhà cấp 4 diện tích $61,56m^2$, có trồng 9 cây điều, 17 cây bơ, 4 cây bưởi, 01 cây tắc, 9 cây xanh, 2 cây dừa, 1 cây khế.

- 440 cây cà phê trong đó ông L đã chặt 322 cây, hiện còn 118 cây cà phê (từ 6 – 10 năm tuổi).

Toàn bộ số nọc tiêu ông L mới trồng gồm 138 nọc tiêu trồng 2015, 268 nọc tiêu trồng năm 2014 (có sơ đồ kèm theo) .

+ Thửa đất diện tích: $153,55 m^2$ (Trong đó có $50 m^2$ đất thổ cư) đo thực tế đất tọa lạc tại phường TB, thị xã A, tỉnh Bình Dương.

Trong đó

Thửa đất có tứ cận như sau:

Phía Đông giáp đất của bà H (thửa B).

Phía Tây giáp đất của ông Mai Văn H.

Phía Nam giáp đường bê tông nội bộ.

Phía Bắc giáp đường đất.

(Theo bản trích đo địa chính ngày 27/6/2014 của Phòng Tài nguyên – Môi trường thị xã Dĩ An) (có sơ đồ kèm theo). Trên đất 01 ngôi nhà và công trình phụ tài sản của ông L, bà Ph gồm:

- 01 ngôi nhà cấp 4A diện tích: $57,7m^2$, 02 trụ cổng xây, 01 tường xây tô, 01 sân gạch tàu, 01 cổng sắt, 01 bộ giếng khoan cộng bơm.

- Ông L phải trả cho bà H số tiền 5.897.000đ (Năm triệu tám trăm chín mươi bảy ngàn đồng) tiền bán nọc tiêu .

- Sau khi cân đối các tài sản mà ông Đặng Vũ L phải hoàn trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 66.692.000đ (Sáu mươi sáu triệu sáu trăm chín mươi hai ngàn đồng).

Các đương sự liên hệ với Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Không chấp nhận yêu cầu của người có quyền L nghĩa vụ liên quan ông Khu phố Ninh Ph, thị trấn LN, huyện LN, tỉnh Bình Phước yêu cầu được chia $\frac{1}{2}$ thửa đất tọa lạc tại Phường TB, thị xã A, tỉnh Bình Dương.

Về nợ: Bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả số nợ như sau:

- Trả cho ông Nguyễn Tiến D số tiền: 10.500.000đ (*Mười triệu năm trăm ngàn đồng*).

- Trả cho ông L số tiền mà ông đã trả cho Ngân hàng chính sách xã hội 8.012.433đ (*Tám triệu không trăm mười hai ngàn bốn trăm ba mươi ba đồng*).

Ông Đặng Vũ L có nghĩa vụ trả số nợ như sau:

- Trả cho ông Phạm Thanh H và bà Đặng Thị Hiền số tiền là 15.000.000đ (*Mười lăm triệu đồng*).

Trả cho ông Nguyễn Tiến D số tiền là 10.500.000đ (*Mười triệu năm trăm ngàn đồng*).

Ghi nhận sự tự nguyện của bà H trả cho ông L các khoản nợ mà ông L đã trả như sau:

- Bà H hoàn lại cho ông $\frac{1}{2}$ số tiền trên do ông L đã bỏ ra trả nợ tiền phường số tiền 1.750.000đ (*Một triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng*).

Trả cho ông L số tiền 2.306.000đ (*Hai triệu ba trăm lẻ sáu ngàn đồng*) số tiền này ông L đã trả cho Hội cựu chiến binh ấp về vang xã Lộc Phú .

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về phần quan hệ hôn nhân, án phí và các chi phí tố tụng khác, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 04/7/2017, bị đơn ông Đặng Vũ L kháng cáo một phần bản án sơ thẩm: ông L không đồng ý ly hôn với bà H; ông L không đồng ý chia cho bà H $\frac{1}{2}$ diện tích đất tại phường TB, thị xã A, tỉnh Bình Dương và yêu cầu chia lại số cây cà phê trên thửa đất tại ấp Về Vang, xã Lộc Phú, huyện LN, tỉnh Bình Phước; buộc bà H phải hoàn trả lại cho ông L $\frac{1}{2}$ số tiền mà ông L đã bỏ ra để trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn chi nhánh Lộc Hiệp.

Ngày 04/7/2017, người có quyền L, nghĩa vụ liên quan ông Khu phố Ninh Ph, thị trấn LN, huyện LN, tỉnh Bình Phước kháng cáo một phần bản án sơ thẩm: Đề nghị Tòa cấp phúc thẩm buộc ông Đặng Vũ L phải trả lại cho ông $\frac{1}{2}$ diện tích thửa đất tọa lạc tại phường TB, thị xã A, tỉnh Bình Dương.

Tại phiên tòa ông L, ông Th giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước phát biểu:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Kể từ ngày thụ lý vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 3 Điều 308, 310 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Đặng Vũ L, người có quyền L, nghĩa vụ liên quan ông Khu phố Ninh Ph, thị trấn LN, huyện LN, tỉnh Bình Phước.

Hủy Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 27/2017/HNGĐ-ST ngày 21/9/2016 của Tòa án nhân dân huyện LN, tỉnh Bình Phước

Về án phí, chi phí tố tụng khác và nghĩa vụ thi hành án, Hội đồng xét xử quyết định theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét yêu cầu kháng cáo của ông Đặng Vũ L, ông Khu phố Ninh Ph, thị trấn LN, huyện LN, tỉnh Bình Phước; căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ. Tòa cấp sơ thẩm có những vi phạm như sau:

Về tố tụng:

[1] Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 11/4/2010 và trong quá trình giải quyết vụ án ngoài yêu cầu giải quyết quan hệ hôn nhân thì nguyên đơn bà Nguyễn Thị H còn yêu cầu chia tài sản chung bao gồm diện tích đất 7.023m² tọa lạc tại ấp Vẻ Vang, xã Lộc Phú, huyện LN, đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Đặng Vũ L. Trên đất có trồng một số cây trồng như cà phê, điều, có 01 ngôi nhà cấp 4 diện tích 90m², trong nhà có 01 số vật dụng gồm 01 máy làm miến, 02 máy ép bột, 01 ti vi, 01 bộ salong gỗ, 01 tủ búp phê và 01 thửa đất diện tích 312,4 m² tại phường TB, thị xã A, tỉnh Bình Dương, đất có giấy CNQSD đất đứng tên ông Đặng Vũ L nhưng Tòa cấp sơ thẩm không yêu cầu bà H nộp tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu này là không đúng theo quy định tại Nghị quyết 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng Thẩm phán TAND Tối Cao hướng dẫn một số quy định pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

[2] Tại bản tự khai ngày 25/5/2010, biên bản hòa giải ngày 28/5/2010, bà Lê Thị Ph trình bày vào cuối năm 2007 bà và ông Đặng Vũ L xây dựng 01 căn nhà cấp 4 trên diện tích đất khoảng 60m² trong tổng diện tích 312,4m² đất được Ủy ban nhân dân huyện Dĩ An cấp cho ông Đặng Vũ L tọa lạc tại phường TB, thị xã A, tỉnh Bình Dương. Nếu ông L, bà H đòi lại đất thì phải trả cho bà Ph, ông L số vàng ông bà bỏ ra để xây dựng căn nhà nêu trên là 12 cây vàng 24K. Đây là yêu cầu độc lập của ông L, bà Ph. Mặc dù Tòa cấp sơ thẩm có Công văn số 30/2014/CV-TA ngày 06 tháng 9 năm 2014 yêu cầu bà Ph làm thủ tục yêu cầu độc lập và nộp tiền tạm ứng án phí. Tuy nhiên, trong hồ sơ vụ án không thể hiện việc bà Ph có nhận được Công văn này, đồng thời bà Ph cũng không có văn bản nào thể hiện việc rút yêu cầu này nhưng Tòa cấp sơ thẩm lại nhận định bà Ph không có yêu cầu nên không xem xét là vi phạm nghiêm

trọng thủ tục tố tụng, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và L ích hợp pháp của ông L, bà Ph.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa cấp sơ thẩm căn cứ vào kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và kết quả định giá ngày 19/10/2012 của Hội đồng định giá tài sản do Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An thành lập đối với diện tích đất 312,1m² tọa lạc tại phường TB, thị xã A, tỉnh Bình Dương để chia tài sản chung của ông L và bà H là không phù hợp với thực tế khách quan cũng như tình hình giao dịch bất động sản tại địa phương tại thời điểm giải quyết vụ án, ảnh hưởng đến quyền L ích hợp pháp của các đương sự.

[4] Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H05341 ngày 02/12/2009 do UBND huyện Dĩ An cấp cho ông Đặng Vũ L có diện tích là 312,4 m², tuy nhiên theo kết quả đo đạc ngày 29/10/2012 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thị xã Dĩ An thì diện tích thực tế chỉ có 307,1m² nhưng Tòa cấp sơ thẩm không làm rõ sự chênh lệch về diện tích đối với thửa đất này mà căn cứ vào kết quả đo đạc để giải quyết vụ án là chưa thu thập đầy đủ và đánh giá toàn diện chứng cứ.

[5] Theo lời trình bày của ông L, bà H thì bà H bỏ nhà đi từ tháng 7 năm 2009. Sau khi bà H bỏ đi thì ông L có tạo dựng được một số tài sản trên thửa đất có 560 cây trồng gồm có 18 cây bơ, 138 nọc tiêu trồng năm 2015, 268 nọc tiêu trồng năm 2014, 04 cây bưởi 05 năm tuổi; trên thửa đất 559 có 18 nọc tiêu trồng năm 2015, 05 cây bơ 06 năm tuổi với tổng giá trị theo biên bản định giá ngày 03/6/2016 là 37.800.000đồng. Đây là tài sản riêng của ông L nhưng Tòa cấp sơ thẩm xác định đây là tài sản chung của vợ chồng để chia cho ông L và bà H là không đúng. Ảnh hưởng đến quyền, L ích hợp pháp của ông L.

[6] Mặt khác, theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 10/5/2017, thì trên diện tích đất 3.977m² tọa lạc tại ấp V, xã L Ph, huyện LN thì ngoài căn nhà cấp 4A, công trình phụ và một số cây ăn trái đã được xem xét thẩm định ngày 14/5/2013 thì hiện nay trên phần đất này có phát sinh thêm 216 nọc tiêu trồng năm 2016 (nọc cây sống). Tòa án cấp sơ thẩm không xác định 216 nọc tiêu này là do ông L trồng trên diện tích đất trống hay đã chặt các cây trồng khác để trồng đồng thời cũng không xác định trên đất hiện tại có những tài sản cụ thể gì để chia hoặc giao tài sản cho ông L, bà H mà lại căn cứ vào biên bản định giá ngày 03/6/2016 khác với kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 14/5/2013 để làm căn cứ giải quyết vụ án là không đúng, không thể thi hành án được.

[7] Từ những nhận định nêu trên, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và L ích hợp pháp của các đương sự mà Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Vì vậy, cần hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án về Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại, nên yêu cầu kháng cáo của ông L, ông Th được chấp nhận một phần.

[8] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước là có căn cứ, đúng quy định pháp luật được chấp nhận.

[9] Về chi phí xem xét, thẩm định, định giá tài sản và án phí dân sự sơ thẩm sẽ được quyết định khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại.

[10] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên bị đơn ông Đặng Vũ L, người có quyền L, nghĩa vụ liên quan ông Khu phố Ninh Ph, thị trấn LN, huyện LN, tỉnh Bình Phước không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 Quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Đặng Vũ L, người có quyền L, nghĩa vụ liên quan ông Khu phố Ninh Ph, thị trấn LN, huyện LN, tỉnh Bình Phước.

Hủy Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 27/2017/HNGĐ-ST ngày 22/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện LN. Chuyển hồ sơ vụ án về Tòa án nhân dân huyện LN giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Về chi phí xem xét, thẩm định, định giá tài sản và án phí dân sự sơ thẩm sẽ được quyết định khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đặng Vũ L, ông Khu phố Ninh Ph, thị trấn LN, huyện LN, tỉnh Bình Phước không phải chịu. Chi cục thi hành án dân sự huyện LN hoàn trả cho ông L, ông Th số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp mỗi người 300.000 đồng theo biên lai thu số 0014739 và số 0014741 ngày 10/7/2017.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND huyện LN
- CCTHA dân sự huyện LN;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Viết Hùng